

**CÔNG TY CỔ PHẦN THE LEGEND HANOI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THE LEGEND HANOI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THE LEGEND HANOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THE LEGEND HANOI

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110719661

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 71B Ngõ Chợ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                         | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                 | 4632     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                               | 4641     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                 | 4649     |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                          | 8230     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 8299     |
| 7.  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                      | 9321     |
| 8.  | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                              | 7310     |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                             | 7710     |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                   | 4690     |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                | 4931     |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng                  | 4932     |

Thời gian đăng từ ngày 21/05/2024 đến ngày 20/06/2024

|     |                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                             | 4933        |
| 14. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                 | 5021        |
| 15. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                   | 5022        |
| 16. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                              | 5221        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                             | 5222        |
| 19. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                      | 5224        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                               | 5225        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Gửi hàng;<br>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay | 5229        |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Cơ sở lưu trú du lịch                                                                                                                                                                     | 5510        |
| 23. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                    | 5590        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                 | 5610        |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>(trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)                                                                                                            | 5621        |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)                                                                                                                                                                | 5629        |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                          | 5630        |
| 28. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                         | 7721        |
| 29. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh đại lý lữ hành                                                                                                                                                                            | 7911        |
| 30. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa;<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế;                                                                                                                  | 7912(Chính) |
| 31. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                   | 7990        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN TRUNG | Thôn Đồng Tiến, Xã Phượng Dực, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 001079069599                                                                                |         |
|     |                |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                            | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                               |                           |         |               |        |              |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | LÃ TRƯỜNG ANH   | Căn hộ A-03A-05 Tòa A CT4, Khu đô thị Thạch Bàn, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 30,000 | 025086000719 |  |
|   |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                               | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 30,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                               |                           |         |               |        |              |  |
| 3 | TRẦN KIM PHƯƠNG | Số 187 phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 | 010158000006 |  |
|   |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                               | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                               |                           |         |               |        |              |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 20/07/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079069599

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đồng Tiến, Xã Phụng Dục, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đồng Tiến, Xã Phụng Dục, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội